

Bản án số: **107/2022/DS-ST**

Ngày: **29-9-2022.**

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mười.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Đăng Khoa.

2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 29 ngày 9 tháng năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**\*/Nguyên đơn:** Ngân hàng F;

Địa chỉ: P.LTT, Q.HK, Thành phố Hà nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T- Chủ tịch HĐQT;

- Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Đỗ Ngọc B- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng F;

Địa chỉ: P.B, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim Ph- Chức vụ: Cán bộ quản lý khách hàng cá nhân Ngân hàng F, chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: P.B, Thành phố BT.

**\*/Bị đơn:** Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: P.PK, thành phố BT.

Bà Ph có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2022, bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày:*

Vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng F có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD, với bà Huỳnh Thị Ngọc H vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng, kể từ ngày 07/8/2010 cho đến ngày 07/8/2012, lãi suất

điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; hình thức trả hàng tháng vốn gốc là 1.250.000đồng. Quá trình vay bà H đã trả tiền gốc là 23.750.000đồng, không có trả lãi trong hạn, lãi quá hạn; bà H ngưng trả kể từ ngày 07/4/2012 cho đến ngày 23/9/2022 bà H còn nợ số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng; ngoài ra bà H còn phải chịu lãi suất kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi trả hết nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông Phan Thế Trí trả số còn nợ ngân hàng là 34.390.351 đồng.

**\*/Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H được Tòa án tổng đạt hợp lệ để công khai** chứng cứ hòa giải, xét xử nhưng ông Trí cố tình vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn F khởi kiện bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981. ĐKKHTT số: , thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Bà Huỳnh Thị Ngọc H được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bà H cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng F thì vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD với bà Huỳnh Thị Ngọc H vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng. Quá trình vay ông Trí có trả cho ngân hàng được số tiền gốc là 23.750.000đồng và bà ngưng trả cho đến ngày 23/9/2022 thì ông Trí còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc H trả tổng số tiền là 34.390.351 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

Vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng F có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD, với ông Phan Thế Tr vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng, kể từ ngày 07/8/2010 cho đến ngày 07/8/2012, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; hình thức trả hàng tháng vốn gốc là 1.250.000đồng. Quá trình vay bà H đã trả tiền gốc là 23.750.000đồng, quá trình vay bà H chỉ trả gốc, không có trả lãi trong hạn, lãi quá hạn; bà H ngưng trả kể từ ngày 07/4/2012 cho đến ngày 23/9/2022 bà Loan có nợ số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng; ngoài ra ông H còn phải chịu lãi

suất kể từ ngày 24/9/2022 ch đến khi trả tất nợ. Do ông Trí vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông Phan Thế Trí trả số còn nợ ngân hàng là 34.390.351 đồng (gốc: 6.250.000đồng, lãi trong hạn: 264.000đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước.

*[5] Xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn F*

*Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bà Kim Ph vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H là yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ ngân hàng tính đến ngày 23/9/2022 là 34.390.351 đồng (gốc: là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng); ngoài ra bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi trả tất nợ.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà bà H đã ký với ngân hàng vào ngày 07/8/2010 vào đơn xin vay vốn ngày 06/8/2010 do bà H ký tên xác nhận và yêu cầu. Xét thấy có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và bà H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng F nên nay Ngân hàng F khởi kiện để yêu cầu bà H trả số tiền gốc là 6.250.000đồng là có căn cứ.

Quá trình vay bà H có trả cho ngân hàng số tiền gốc là 23.750.000đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn bà H chưa thanh toán cho ngân hàng, tính đến ngày 23/9/2022 ông Trí còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn là 264.000đồng, lãi quá hạn 25.851.375 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng. Xét đối với mức lãi suất cho vay trong hạn là 26.40%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn là 39.60%/năm với số tiền là này là 25.851.375 đồng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13/TT/39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì mức cho vay này không bị giới hạn bởi Luật bộ dân sự năm 2015 quy định tại Điều 468. Mặc khác, tại Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TATC quy định về biên độ điều chỉnh mức lãi suất; do ngân hàng và bà H thỏa thuận điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, khi điều chỉnh mức lãi suất trong hạn thì phải điều chỉnh mức lãi suất quá hạn theo, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lại suất trong hạn là 26.4%/năm. Nay ngân hàng yêu cầu bà H phải trả mức lãi suất quá hạn là 39.60%/năm với số tiền là này là 25.851.375 đồng phù hợp theo quy định điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân năm 2015, nên được chấp nhận.

Xét đối với ngân hàng yêu cầu phạt lãi chậm trả số tiền 2.024.976 đồng đối với bà H. Nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngân hàng và bà H vay có thỏa thuận nếu bà H không trả lãi đúng hạn thì bị phạt lãi chậm trả lãi. Do vậy, ngân hàng yêu cầu bà H phải chịu trả lãi trong trường hợp chậm trả lãi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở chấp nhận; buộc ông Trí phải trả số tiền lãi chậm trả trên số lãi trả quá hạn là 2.024.976 đồng. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng F đối bà Huỳnh Thị Ngọc H. Buộc ông Phan Thế Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng F tổng số tiền là

34.390.351 đồng (gốc: 6.250.000đồng, lãi trong hạn là 264.000đồng, lãi quá hạn 25.851.375 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng) tính đến ngày 30/9/2022; ngoài ra ông Trí còn phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 31/9/2022 theo mức lãi mà HĐTD bà H đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

*\*/ Bị đơn bà Huỳnh Thọ Ngọc H vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nhưng bà H, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng F cũng như không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai và các chứng cứ mà Ngân hàng E cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp. Bà Huỳnh Thị Ngọc H không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng F, bà H phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt này.

***\*/Án phí DST có giá ngạch:***

- Do yêu cầu của Ngân hàng F được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí là 1.085.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TATC; điểm a, khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng F đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc H. Buộc bà Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng F tổng số tiền là 34.390.351 đồng (gốc: 6.250.000đồng, lãi trong hạn là 264.000đồng, lãi quá hạn 25.851.375 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng) tính đến ngày 30/9/2022; ngoài ra ông Trí còn phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 31/9/2022 theo mức lãi mà HĐTD bà H đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Bà Huỳnh Ngọc Hân còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc kể từ ngày 31/9/2022 theo thỏa thuận trong đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong số nợ gốc.

***\*/Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Bà Huỳnh Ngọc Hân phải chịu là 1.085.000 (Một triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam số tiền là 516.000(*Năm trăm mười sáu nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005520 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam, chi nhánh Bến Tre nhận thay.

Ngân hàng F có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng Bà Huỳnh Ngọc H vắng mặt cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***\*/Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Mười**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Hưng- Nguyễn Thị Hiền**

**Huỳnh Thị Mười**

***\*/Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Mười**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Ngọc Hồng - Dương Thị Thanh Thúy**

**Huỳnh Thị Mười**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Mười**

Trên thửa đất 01 tờ 28 phía bà Hạnh có xây 01 căn nhà tường cấp 4, có cấu trúc như sau: Nền gạch bóng kính, vách gạch, cột bê tông, cốt thép, máy tole, trần thạch cao, giá trị sử dụng còn lại là 70%. Diện tích xây dựng là  $77,616m^2$ , giá trị sử dụng còn lại là 70%, trị giá:  $(77,616m^2 \times 2.420.000\text{đồng} \times 70\%) = 131.481.504$  đồng.

- Diện tích gạch ốp tường:
  - +  $53m \times 1,2m = 63,6m^2$ .
  - +  $24m \times 2m = 48m$ .



**Tổng diện tích ốp tường là  $11,6\text{m}^2 \times 150.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 11.718.000\text{đồng}$ .**

**- Bếp: Ốp đá hoa cương, granit, diện tích  $3,2\text{m} \times 0,65\text{m} - 2,08\text{m}^2$ ; giá trị sử dụng còn lại là 70%. Trị giá:  $2,08\text{m} \times 1.200.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 1.747.200\text{đồng}$ .**

**- Hàng rào cột bê tông cốt thép, không xây tường, có diện tích:  $3,15 \times 2,4 = 7,56\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 5.292.000\text{đồng}$ .**

**- Sân nền:  $1,7\text{m} \times 20,06\text{m} = 34,102\text{m}^2$ , giá trị sử dụng còn lại 70%, trị giá  $34,102\text{m} \times 130.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 3.103.282\text{đồng}$ . Tổng trị giá căn nhà và các công trình kiến trúc kèm theo là 153.341.986đồng .**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Mười**

**Hội thẩm nhân dân Thẩm phán**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện**

**Huỳnh Thị Mười**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

